

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
NGHI LỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BVĐKNL-VTTBYTCNTT
V/v mời tham gia báo giá mua sắm
thiết bị y tế tại Bệnh viện đa khoa
Nghị Lộc

Đông Lộc, ngày tháng 08 năm 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện đa khoa Nghị Lộc có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn tại Bệnh viện đa khoa Nghị Lộc năm 2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa Nghị Lộc.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Phòng VTTBYT-CNTT - Bệnh viện đa khoa Nghị Lộc.
 - Số điện thoại: 0238.3861.643.
 - Email: bvniphongvttbyt@gmail.com.
- Cách thức tiếp nhận báo giá: Đồng thời theo 2 hình thức sau:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Văn thư, Bệnh viện đa khoa Nghị Lộc, địa chỉ: xã Nghi Thịnh, Nghị Lộc, tỉnh Nghệ An.
 - Nhận qua email: dauthaubvnl@gmail.com (File Excel).
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 17h ngày 06 tháng 08 năm 2026 đến trước 07h ngày 17 tháng 08 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 17 tháng 08 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục, nội dung báo giá gồm: Phụ lục 1, 2 chi tiết kèm theo.
- Địa điểm cung cấp; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế:
 - Địa điểm cung cấp: Các khoa phòng được phân bổ thiết bị mua sắm, Bệnh viện đa khoa Nghị Lộc.
 - Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản: Hàng hóa được cung cấp đảm bảo đầy đủ số lượng, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng và đúng yêu cầu, phù hợp với kế hoạch và kết quả lựa chọn nhà thầu.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

Số lần thanh toán là nhiều lần trong quá trình thực hiện hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng. Thời hạn thanh toán: không quá 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ chứng từ theo yêu cầu. Chứng từ thanh toán phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

5. Hồ sơ chào giá bao gồm:

- Báo giá: theo mẫu Phụ lục 3. Nhà cung cấp có thể chào giá một hay nhiều mặt hàng trong danh sách hàng hóa.

- Bảng mô tả đáp ứng cấu hình và tính năng kỹ thuật theo mẫu Phụ lục 4. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp đính kèm tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan.

- Hợp đồng đã cung cấp thiết bị chào giá (cho các đơn vị nhà nước) trong vòng 12 tháng (nếu có).

Rất mong nhận được sự quan tâm của các hãng sản xuất, nhà cung cấp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Các khoa/phòng;
- Tổ truyền thông (Website);
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thế Tùng

PHỤ LỤC 1.
YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI THIẾT BỊ MUA SẴM
(Kèm theo Công văn số /BVĐKNL-VTTBYTCNTT ngày 06/08/2026)

1. Yêu cầu chung:

- Thiết bị sản xuất năm 2026 trở về sau, chất lượng mới 100%.
- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EU hoặc EC hoặc tương đương
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng (có bao gồm tiếng Việt): 01 bộ.
- Có cam kết cung cấp hồ sơ chứng nhận xuất xứ, chất lượng, lưu hành sản phẩm, phân loại thiết bị,... theo quy định về Quản lý trang thiết bị y tế tại Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 và Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023.

2. Yêu cầu khác:

- Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ khi nghiệm thu thiết bị đưa vào sử dụng.
- Có cam kết thực hiện bảo trì định kỳ trong thời gian bảo hành: Bảo trì theo quy định của nhà sản xuất.
- Có cam kết chịu trách nhiệm lắp đặt, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho người sử dụng, hướng dẫn việc bảo quản và sửa chữa cho nhân viên kỹ thuật tại nơi sử dụng.
- Có cam kết bảo trì sau bảo hành và cung cấp các phụ tùng thay thế trong ≥ 05 năm kể từ ngày bàn giao.
- Tất cả các hệ thống phần mềm xử lý, phân tích tín hiệu và các thư viện, cơ sở dữ liệu phải có bản quyền sử dụng vĩnh viễn (nếu có).

PHỤ LỤC 2.

CẤU HÌNH, TÍNH NĂNG KỸ THUẬT CƠ BẢN CÁC HÀNG HÓA MUA SẮM

(Kèm theo Công văn số /BVĐKNL-VTTBYTCNTT ngày /04/2026)

STT	Nội dung yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
I	MÁY SIÊU ÂM TỔNG QUÁT	Cái	1
1	Yêu cầu chung		
	Môi trường làm việc:		
	+ Nhiệt độ tối đa tới $\geq 30^{\circ}\text{C}$		
	+ Độ ẩm tối đa tới $\geq 75\%$		
	Điện áp làm việc: 100-240 VAC, 50/60 Hz		
	Xuất xứ máy chính: Nhóm nước có trong Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD)		
2	Yêu cầu cấu hình		
	Máy chính	Cái	1
	Đầu dò Convex đa tần	Cái	1
	Đầu dò Linear đa tần	Cái	1
	Đầu dò siêu âm tim đa tần	Cái	1
	Phần mềm tiêu chuẩn kèm máy chính:		
	+ Phần mềm siêu âm Doppler liên tục: 01 bộ		
	+ Phần mềm siêu âm đàn hồi mô định lượng đa điểm có trên Convex và Linear ở cấu hình cung cấp: 01		
	+ Phần mềm siêu âm đàn hồi mô bán định lượng: 01		
	+ Phần mềm mở rộng trường nhìn: 01		
	+ Phần mềm kết nối Dicom: 01		

STT	Nội dung yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
	Phụ kiện		
	Bộ máy tính: 01 bộ		
	Máy in màu: 01 chiếc		
	Bộ lưu điện online 1KVA: 01 chiếc		
3	Tính năng, thông số kĩ thuật		
	Có các phương pháp quét: Convex điện tử; Linear điện tử, hai bình diện (gồm hai mặt cắt Convex-Convex, Convex- Linear), đầu dò Linear ma trận ≥ 1000 chấn tử.		
3.1	Hệ thống máy chính		
	- Thiết kế trên bốn bánh xe, có khoá, có tay cầm đẩy máy.		
	- Số ổ cắm đầu dò hoạt động: ≥ 03 cổng		
	- Dung lượng ổ cứng trong: dung lượng ≥ 500 GB		
	- Bộ nhớ CINE: ≥ 770 MB hoặc $\geq 63,000$ ảnh		
	- TGC và bàn phím ký tự: dạng số hóa điều khiển qua màn hình cảm ứng đa chạm		
	- Có bộ làm ấm Gel siêu âm		
	- Độ sâu hiển thị ảnh ≥ 48 cm		
	- Số kênh xử lý số hóa: $\geq 7,000,000$ kênh		
	- Tốc độ khung hình: ≥ 3200 khung hình/giây		
	- Dải động hệ thống: ≥ 380 dB		
	- Dải tần số: $\leq 2 - \geq 22$ MHz tùy thuộc đầu dò		
	- Thang xám: ≥ 256 mức		
	- Tối ưu hóa chất lượng hình ảnh tự động		
	- Kỹ thuật phát và thu nhận chùm tia siêu âm từ nhiều hướng (Hình ảnh phức hợp không gian) lên đến ≥ 9 góc quét hoặc có công nghệ tổng hợp nhiều loại chùm tia siêu âm để giảm nhiễu ảnh, tăng độ phân giải và độ nhạy hình ảnh.		

STT	Nội dung yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
	- Kỹ thuật loại bỏ nhiễu sáng trên hình ảnh siêu âm với độ phân giải cao lên đến ≥ 6 mức		
	- Hình ảnh hòa âm mô		
	- Tự động tính toán phổ Doppler thời gian thực		
3.2	Màn hình hiển thị		
	Màn hình kích thước ≥ 23.8 inch		
	Độ phân giải: $\geq 1920 \times 1080$ điểm ảnh		
3.3	Bảng điều khiển và giao diện sử dụng		
	Màn hình điều khiển: cảm ứng, kích thước ≥ 10.4 inches		
3.4	Đầu dò		
	<i>Đầu dò Convex đa tần</i>		
	Ứng dụng: Ổ bụng, sản, phụ khoa, mạch máu, niệu khoa,...		
	Dải tần: $\leq 1 - \geq 6$ MHz		
	Số chấn tử: ≥ 160		
	Trường nhìn tối đa: $\geq 70^\circ$		
	<i>Đầu dò Linear đa tần</i>		
	Ứng dụng: mạch máu, các bộ phận nhỏ,...		
	Dải tần: $\leq 5.0 - \geq 12.0$ MHz		
	Số chấn tử: ≥ 192		
	Trường nhìn tối đa: ≥ 38 mm		
	<i>Đầu dò tim đa tần</i>		
	Ứng dụng: tim		
	Dải tần: $\leq 1 - \geq 5$ MHz		
	Số chấn tử: ≥ 64		
	FOV: ≥ 120 độ		

STT	Nội dung yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
	Các chế độ hoạt động tối thiểu có:		
	- B-mode, Hòa âm mô mã hóa hoặc đảo xung, M-mode, Mode dòng màu, Mode Doppler năng lượng, Mode Doppler xung		
3.5	Các thông số:		
	<i>Thông số quét của Mode B:</i>		
	+ Độ khuếch đại: từ 0 đến ≥ 80 dB		
	+ Dải động: khoảng $\leq 40 - \geq 90$ dB		
	+ Tần số có thể lựa chọn (với một đầu dò và tùy đầu dò) tối đa: lên đến ≥ 05 loại		
	+ Trung bình khung hoặc độ ổn định ≥ 8 bước		
	+ Mật độ dòng: ≥ 5 bước		
	+ Lọc nhiễu đốm: ≥ 6 mức		
	+ Bản đồ thang xám: ≥ 7 mức		
	<i>Thông số quét của Mode dòng chảy màu:</i>		
	+ PRF: $\leq 0.1 - \geq 19.8$ kHz		
	+ Trung bình khung hoặc độ ổn định ≥ 7 bước		
	+ Kích thước gói: $\leq 10 - \geq 20$ (tùy đầu dò và ứng dụng) hoặc có thể điều chỉnh ít nhất 3 cấp độ: Lớn, Trung bình, nhỏ		
	+ Đường nền: có		
	+ Tần số có thể lựa chọn (với một đầu dò và tùy đầu dò) tối đa lên đến ≥ 5 bước hoặc dải tần số lựa chọn với tất cả các loại đầu dò: $\leq 1.9 - \geq 5$ MHz, (tương đương ≥ 12 bước)		
	+ Mật độ dòng: ≥ 5 bước		
	+ Bản đồ màu (bao gồm bản đồ vận tốc) ≥ 20 loại hoặc mã màu ≥ 15 loại		
	+ Lọc thành: ≥ 4 bước (mức), phụ thuộc vào đầu dò và ứng dụng		
	<i>Thông số quét của Mode Doppler xung</i>		

STT	Nội dung yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
	+ Tần số lặp xung PRF: $\leq 0.5 - \geq 26.5$ kHz		
	+ Lọc thành (wall filter) tùy thuộc vào đầu dò và ứng dụng: $\leq 6 - \geq 5000$ Hz hoặc có ≥ 12 bước điều chỉnh		
	Thông số quét của Mode Doppler năng lượng màu:		
	+ Có các bản đồ màu: ≥ 15 bản đồ		
	+ PRF: $\leq 0.1 - \geq 19$ kHz		
	Thông số quét của Mode Doppler liên tục		
	Khoảng điều chỉnh độ lợi (khuếch đại): ≥ 60 dB hoặc 0-100%		
	Thang vận tốc: tối đa ≥ 10 m/s hoặc ≤ -16 đến 0 hoặc $0 - \geq 16$ m/s		
	Thông số Mode Siêu âm đàn hồi mô định lượng đa điểm		
	Đầu dò hỗ trợ: đầu dò Convex, Linear cung cấp trong cấu hình		
	+ Đơn vị đo: kPa và m/s		
	Các thông số kết nối		
	Chuẩn kết nối: DICOM 3.0		
	Khả năng kết nối: HDMI hoặc DVI-D, USB, Kết nối mạng Ethernet		
3.6	Các chức năng đo đặc có:		
	+ Tự động tính toán các thông số Doppler thời gian thực		
	+ Đo đặc/ Tính toán trong sản khoa		
	+ Đo đặc / Tính toán Phụ khoa		
	+ Các phép đo trong siêu âm mạch máu		
	+ Đo và tính toán niệu khoa		
	+ Phần mềm siêu âm chuyên về vú hoặc tự động xác định trục dài mạch máu trong hình ảnh, và đặt vị trí của vùng dòng chảy, vị trí và kích thước của thể tích mẫu, hướng dòng chảy và góc của chùm siêu âm (hiệu chỉnh góc)		

STT	Nội dung yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
	+ Phần mềm doppler tự động hoặc phần mềm tính chỉ số xơ cứng động mạch		
	+ Có khả năng nâng cấp: phần mềm siêu âm đàn hồi mô định lượng, có trên đầu dò Convex và Linear cung cấp ở cấu hình. Đơn vị đo: kPa, m/s		
	+ Đo đặc và tính toán trong siêu âm tim		
3.7	Phụ kiện		
	Bộ máy tính		
	+ CPU: Là loại Core i3 trở lên		
	+ RAM: $\geq 4\text{GB}$		
	+ Ổ cứng: $\geq 200\text{ GB}$		
	+ Bàn phím, chuột		
	+ Màn hình máy tính kích thước $\geq 21''$		
	Máy in màu		
	Độ phân giải: $\geq 5760 \times 1440\text{ dpi}$		
	Tốc độ in: $\geq 15\text{ trang/ phút}$		
	In phun màu		
II	MÁY SIÊU ÂM TỔNG QUÁT (chuyên sản phụ khoa)	Cái	1
1	Yêu cầu chung		
	Điện áp làm việc: 100-240 VAC, 50/60 Hz		
	Điều kiện môi trường làm việc: độ ẩm $\geq 75\%$, nhiệt độ $\geq 30^\circ\text{C}$		
	Xuất xứ máy chính: các nước thuộc nhóm G20		
2	Yêu cầu cấu hình		
	Máy chính: 01 Chiếc	Cái	1
	Đầu dò Convex đa tần: 01 chiếc	Cái	1
	Đầu dò Linear đa tần: 01 chiếc	Cái	1

STT	Nội dung yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
	Đầu dò 4D đa tần: 01 Chiếc	Cái	1
	Đầu dò phụ khoa: 01 Chiếc	Cái	1
	Phần mềm siêu âm 4D: 01	Phần mềm	1
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh và Tiếng Việt: 01 Bộ	Bộ	1
	Phụ kiện		
	Bộ máy tính: 01	Bộ	1
	Máy in màu: 01	Cái	1
	Bộ lưu điện 1KVA: 01	Cái	1
3	Tính năng, thông số kĩ thuật		
	Có các phương pháp quét: Convex điện tử; Linear điện tử; quét thể tích, hai bình diện (gồm hai mặt cắt Convex-Convex và Convex-Linear), Microconvex điện tử		
3.1	Máy chính		
	Thiết kế đồng bộ trên xe đẩy và có 4 bánh xe		
	Số ổ cắm đầu dò hoạt động: ≥ 04 cổng		
	Dung lượng ổ cứng trong: SSD dung lượng ≥ 512 GB hoặc HDD dung lượng ≥ 1 TB		
	Độ sâu hiển thị ảnh lên đến ≥ 40 cm		
	Tốc độ khung hình: ≥ 880 khung hình/giây		
	Số kênh xử lý số hóa: $\geq 4,600,000$ kênh		
	Dải tần số: ≤ 3.5 đến ≥ 18 MHz (Phụ thuộc đầu dò)		
	Kỹ thuật phát và thu nhận chùm tia siêu âm từ nhiều hướng (Hình ảnh phức hợp không gian) $\geq$ lên đến 9 góc quét hoặc tăng cường cấu trúc mô ≥ 9 kiểu		
	Dải động: ≥ 270 dB		
	Có bộ làm ấm Gel siêu âm		
	Hình ảnh hòa âm mô		

STT	Nội dung yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
	Kỹ thuật phân tích dữ liệu thô		
	Tự động liên tục tối ưu hóa hình ảnh		
	Tự động tính toán phổ Doppler thời gian thực		
3.2	Màn hình:		
	- Màn hình hiển thị:		
	+ Kích thước ≥ 23.5 inches		
	+ Độ phân giải: $\geq 1920 \times 1080$ điểm ảnh		
3.3	Bảng điều khiển và giao diện sử dụng		
	- Màn hình điều khiển: cảm ứng, kích thước ≥ 10.4 inches		
3.4	Đầu dò		
	<i>Đầu dò Convex đa tần</i>		
	Ứng dụng: Bụng, Sản, phụ khoa, niệu khoa		
	Dải tần số: $\leq 2 - \geq 5$ MHz		
	Số chấn tử: ≥ 128		
	Trường nhìn: $\geq 58^\circ$		
	<i>Đầu dò Linear đa tần</i>		
	Ứng dụng: mạch máu, bộ phận nhỏ, cơ xương khớp		
	Dải tần số: $\leq 5 - \geq 12$ MHz		
	Số chấn tử: ≥ 128		
	<i>Đầu dò 4D đa tần</i>		
	Ứng dụng: sản phụ khoa, niệu khoa,...		
	Dải tần số: $\leq 2 - \geq 6$ MHz		
	Số chấn tử: ≥ 128		
	Trường nhìn: $\geq 70^\circ$		

STT	Nội dung yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
	<i>Đầu dò phụ khoa</i>		
	Ứng dụng: Sản phụ khoa, niệu khoa		
	Dải tần số: $\leq 4 - \geq 10$ MHz		
	Số chần tử: ≥ 128		
	Trường nhìn: $\geq 168^\circ$		
3.5	Các chế độ hoạt động tối thiểu có:		
	- B-mode, Hòa âm mô mã hóa hoặc đảo xung, M-mode, Mode dòng màu, Mode Doppler năng lượng và Mode Doppler năng lượng có định hướng, Mode Doppler xung với tần số lặp xung cao, Mode 3D/4D		
3.6	Các thông số quét:		
	<i>- Thông số quét của Mode B:</i>		
	+ Khoảng điều chỉnh độ khuếch đại: ≥ 80 dB		
	+ Dải động: khoảng $\leq 40 - \geq 90$ dB		
	+ Mật độ dòng tối đa: ≥ 5 bước		
	+ Trung bình khung ≥ 08 mức hoặc độ ổn định ≥ 08 mức		
	+ Tần số có thể lựa chọn (với một đầu dò và tùy đầu dò) tối đa lên đến ≥ 04 lựa chọn.		
	+ Bản đồ mức thang xám: ≥ 8 loại		
	+ Lọc nhiễu đốm: ≥ 6 mức		
	+ Đảo ảnh: Bật/tắt		
	<i>- Thông số quét của Mode M:</i>		
	+ Độ khuếch đại: khoảng từ ≤ -20 dB đến ≥ 20 dB		
	+ Dải động: khoảng $\leq 40 - \geq 90$ dB hoặc rộng hơn		
	<i>- Thông số quét của Mode dòng chảy màu</i>		
	+ Mật độ dòng: ≥ 5 bước		

STT	Nội dung yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
	+ Trung bình khung hoặc độ ổn định: ≥ 7 bước		
	+ PRF: khoảng $\leq 0.1 - \geq 19.8$ kHz		
	+ Bản đồ màu (bao gồm bản đồ vận tốc) hoặc mã màu ≥ 15 loại		
	+ Kích thước gói: $\leq 10 - \geq 20$ (tùy đầu dò và ứng dụng) hoặc có thể điều chỉnh ít nhất 3 cấp độ: Lớn, Trung bình, nhỏ		
	+ Tần số có thể lựa chọn (với một đầu dò và tùy đầu dò) tối đa lên đến ≥ 5 bước hoặc dải tần số lựa chọn với tất cả các loại đầu dò: $\leq 1.9 - \geq 10$ MHz, (tương đương ≥ 12 bước)		
	+ Lọc thành: ≥ 4 bước (mức), phụ thuộc vào đầu dò và ứng dụng		
	- Thông số quét của Mode Doppler xung		
	+ Khoảng điều chỉnh độ khuếch đại: ≥ 60 dB		
	+ Tần số lặp lại xung (PRF): $\leq 0.3 - \geq 27.5$ KHz		
	+ Lọc thành: $\leq 6 - \geq 5000$ Hz hoặc có ≥ 12 bước điều chỉnh (phụ thuộc đầu dò)		
	+ Đảo phỏ: Bật/Tắt		
	- Thông số quét của Mode Doppler năng lượng		
	+Bản đồ màu: ≥ 14 bản đồ		
	+Tần số lặp xung (PRF): từ ≤ 0.1 đến ≥ 19.8 kHz		
3.7	Các chức năng đo đặc:		
	+ Tự động tính toán các thông số Doppler thời gian thực		
	+ Đo đặc/ Tính toán trong sản khoa		
	+ Đo đặc / Tính toán Phụ khoa		
	+ Các phép đo trong siêu âm mạch máu		
	+ Đo và tính toán niệu khoa		
3.8	Các thông số kết nối tối thiểu có		

STT	Nội dung yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng
	- Khả năng kết nối: DICOM 3.0 hoặc tốt hơn		
	- Khả năng kết nối: Cổng ra HDMI hoặc DVI-D, Cổng kết nối USB		

PHỤ LỤC 3. MẪU BÁO GIÁ

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa Nghi Lộc

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện đa khoa Nghi Lộc, chúng tôi *[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	A									
2	B									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]*, kể từ ngày ... tháng... năm ... *[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá]*

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.*
 - (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.*
 - (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.*
 - (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.*
 - (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.*
 - (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.*
 - (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.*
 - (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.*
 - (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.*
 - (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.*
- Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.*

PHỤ LỤC 4.

MẪU BẢNG MÔ TẢ ĐÁP ỨNG CẤU HÌNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA HÀNG HÓA

STT	Tên thiết bị	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản (yêu cầu)	Cấu hình, tính năng kỹ thuật chào giá	Đáp ứng	Tài liệu tham chiếu	Ghi chú
<u>Ví dụ</u>	Máy siêu âm tổng quát	1. Yêu cầu chung:				
		Chất lượng máy: Mới 100%	Chất lượng máy: Mới 100%	Có	Cam kết trong đơn chào giá	
		2. Cấu hình				
		- Máy chính : 01 bộ	Máy chính : 01 bộ	Có	Trang 1. Catalogue	
		3. Tính năng kỹ thuật				
		x	aaa	Có	Trang 2. Catalogue	
		y	bbb	Không	Trang 3. Catalogue	
		z	ccc	Có	Trang 4. Catalogue	